

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 008/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 125D Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Trịnh Nam Hải	Phụ trách Hội đồng Quản trị (Đến ngày 28/6/2021)
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng Ban (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Trần Thanh Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Thùy	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/7/2021)
Ông Nguyễn Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/7/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đào Đức Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Số: 256/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP được lập ngày 10/8/2021, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/6/2021, Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính. Theo ước tính của Kiểm toán viên, số dự phòng phải thu khó đòi trích bổ sung số tiền khoảng 41,5 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020 là 42 tỷ đồng), dự phòng đầu tư tài chính trích bổ sung số tiền khoảng 1,1 tỷ (Tại ngày 31/12/2020 là 959 triệu đồng). Điều này ảnh hưởng đến chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty và khoản mục dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính và lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ cũng tăng thêm số tiền tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 291.898.531.246 VND. Tổng Công ty có lỗ trong kỳ với số tiền 1.779.301.649 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 3.309.734.868 VND. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2021 là 305.093.939.590 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 305.093.939.590 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ngày 29/7/2020, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 64978/QĐ-CT-QLN ngày 13/7/2020, Quyết định số 92609/QĐ-CT-QLN ngày 21/10/2020, Quyết định số 1783/QĐ-CTHN-QLN ngày 14/01/2021 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Đến thời điểm này thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 008/11/2016. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần chưa được hoàn thành. Do vậy, số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 30/9/2020 với kết luận ngoại trừ về Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán tổng hợp của Tổng Công ty vào ngày 14/5/2021 có dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính. Vấn đề ngoại trừ này vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		180.936.779.827	183.405.546.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.135.179.766	2.882.832.811
1. Tiền	111		5.135.179.766	2.882.832.811
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.697.603.500	151.986.634.181
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	143.782.512.710	153.766.257.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	28.675.003.414	23.054.192.940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	175.556.219.158	175.482.315.214
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(200.395.893.443)	(200.395.893.443)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.761.661	79.761.661
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	24.410.598.934	23.360.088.356
1. Hàng tồn kho	141		24.410.598.934	23.360.088.356
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.693.397.627	3.175.991.301
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	8.412.728	18.923.827
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.668.488.757	3.126.786.128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	16.496.142	30.281.346
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+ 220+240+250+260)	200		240.046.161.575	241.526.653.509
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		87.221.289.147	88.742.529.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	87.221.289.147	88.742.529.714
- Nguyên giá	222		176.014.447.016	176.014.447.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.793.157.869)	(87.271.917.302)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		158.450.000	158.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.450.000)	(158.450.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	8.229.156.890	8.229.156.890
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		8.038.104.359	8.038.104.359
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		191.052.531	191.052.531
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	143.111.196.085	143.111.196.085
1. Đầu tư vào Công ty con	251		119.549.258.805	119.549.258.805
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		12.880.647.106	12.880.647.106
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.902.858.682	20.902.858.682
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.221.568.508)	(10.221.568.508)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.484.519.453	1.443.770.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.484.519.453	1.443.770.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		420.982.941.402	424.932.200.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		473.753.905.461	475.922.899.187
I. Nợ ngắn hạn	310		472.835.311.073	474.993.762.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	83.880.466.772	90.320.758.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	15.423.750.293	10.546.690.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	87.050.990.859	86.572.261.166
4. Phải trả người lao động	314		2.125.415.999	4.862.361.393
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	48.088.707.797	48.877.477.066
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		545.454.556	1.636.363.640
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	197.771.214.204	197.783.679.907
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	37.949.310.593	34.394.169.490
II. Nợ dài hạn	330		918.594.388	929.137.116
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		918.594.388	929.137.116
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(52.770.964.059)	(50.990.699.029)
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	(55.647.571.381)	(53.867.306.351)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.500.000.000	238.500.000.000
9. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		10.946.368.209	10.946.368.209
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(305.093.939.590)	(303.313.674.560)
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(303.314.637.941)	(297.885.307.500)
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.779.301.649)	(5.428.367.060)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.876.607.322	2.876.607.322
1. Nguồn kinh phí	431		2.876.607.322	2.876.607.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		420.982.941.402	424.932.200.158
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách Phòng TCKT

Tổng Giám đốc







Kiều Thị Nguyệt Nga

Lê Thị Linh Chi

Đào Đức Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	36.385.605.647	39.824.963.643
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		36.385.605.647	39.824.963.643
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	27.324.044.902	29.382.127.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.061.560.745	10.442.836.287
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	97.306.699	231.044.696
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.596.177.353	1.600.991.599
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.535.982.587	1.600.991.599
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.833.682	27.673.863
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.058.068.336	8.651.631.754
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(507.211.927)	393.583.767
11. Thu nhập khác	31	6.6	12	891.213.907
12. Chi phí khác	32	6.6	1.272.089.734	2.066.781.714
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.272.089.722)	(1.175.567.807)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(1.779.301.649)	(781.984.040)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.779.301.649)	(781.984.040)

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách Phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Kiều Thị Nguyệt Nga

Lê Thị Linh Chi

Đào Đức Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.779.301.649)	(781.984.040)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.521.240.567	3.510.285.548
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(132.067.122)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(97.306.699)	(98.977.574)
- Chi phí lãi vay	06		1.535.982.587	1.600.991.599
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.180.614.806	4.098.248.411
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.851.479.235	3.838.175.513
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.050.510.578)	3.229.707.386
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.551.449.817)	9.456.111.811
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30.237.534)	(110.650.251)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(708.667.599)	(5.185.164.672)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(963.381)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.309.734.868)	15.326.428.198
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(38.776.870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	385.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.940.720	98.977.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.006.940.720	(3.354.799.296)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		3.811.141.103	1.360.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(256.000.000)	(11.899.265.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.555.141.103	(10.539.265.215)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.252.346.955	1.432.363.687
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	2.882.832.811	5.081.484.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	132.067.122
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	5.135.179.766	6.645.915.023

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Phụ trách Phòng TCKT



Lê Thị Linh Chi



Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 008/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 125D Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 là 52 người (tại ngày 31/12/2020 là 114 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất dây truyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Sản xuất, phân phối điện;
- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Giáo dục mầm non;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp./.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây lắp hạ tầng và cho thuê văn phòng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Từ đầu năm 2020 đến 6 tháng năm 2021 đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kỳ 6 tháng năm 2021 của Tổng Công ty cũng bị sụt giảm đáng kể. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Bắc Giang	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,38%	51,38%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Thái Bình	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	53,61%	53,61%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Thanh Hoá	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,39%	51,39%
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Hà Nội	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại (Khóa cửa, tiêu ngũ kim, kết cấu thép và các phụ kiện cơ khí khác)	67,47%	67,47%
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,54%	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Hà Nội	Xây dựng nhà ở	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	100,00%	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Hà Nội	Sản xuất đồng hồ	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	20,00%	20,00%

Các đơn vị phụ thuộc tính đến ngày 30/6/2021 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tổ dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 13 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 008/11/2016. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/6/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 291.898.531.246 VND. Tổng Công ty có lỗ trong kỳ với số tiền 1.779.301.649 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 3.309.734.868 VND. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2021 là 305.093.939.590 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 305.093.939.590 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ các chủ đầu tư, khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động
- Tổng Công ty đã thanh toán được các khoản nợ vay ngân hàng, các hoạt động dịch vụ cho thuê nhà và dịch vụ hiệu quả cao bù đắp được cho hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty ... làm tiền đề Tổng Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tới.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa).

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 19
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ...

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh cung cấp dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động cung cấp dịch vụ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Tiền mặt	899.181.856	567.635.484
Tiền gửi ngân hàng	4.235.997.910	2.315.197.327
Tổng	<u>5.135.179.766</u>	<u>2.882.832.811</u>

5.2 Phải thu khách hàng

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	143.782.512.710	153.766.257.809
Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT	34.472.561.394	34.472.561.394
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Việt Nam	14.299.457.169	14.299.457.169
- Phải thu các đối tượng khác	95.010.494.147	104.994.239.246
Tổng	<u>143.782.512.710</u>	<u>153.766.257.809</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Trả trước cho người bán

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	28.675.003.414	23.054.192.940
Công ty cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng		3.468.145.328
Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại Coma 25	4.950.548.824	4.950.548.824
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 26 (coma 26)	5.227.989.683	5.227.989.683
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ngãi Cầu	5.565.093.171	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	12.931.371.736	9.407.509.105
Tổng	<u>28.675.003.414</u>	<u>23.054.192.940</u>
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	603.865.511	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	175.556.219.158	(122.677.595.956)	175.482.315.214	(122.677.595.956)
- Phải thu khác	160.881.878.176	(122.677.595.956)	161.445.105.926	(122.677.595.956)
+ Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)	40.793.667.708	(40.793.667.708)	40.793.667.708	(40.793.667.708)
+ Công ty CP xây dựng và lắp máy điện nước số 3 (COMA3)	41.882.768.212	(41.652.237.988)	41.882.768.212	(41.652.237.988)
+ Công ty CP cơ khí lắp máy điện & PT hạ tầng (COMA 18)	22.945.227.969	(22.945.227.969)	22.945.227.969	(22.945.227.969)
+ Công ty CP Khoá Minh Khai	17.108.906.805	-	16.901.306.805	-
+ Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (COMAEL)	15.921.034.895	(11.090.205.668)	19.740.624.018	(11.090.205.668)
+ Sở Tài chính Hà Nội (Nộp tiền đặc cọc sử dụng khu đô thị Cầu Giấy)	7.636.000.000	-	7.636.000.000	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại (COMA 25)	5.576.900.451	(4.377.968.242)	5.576.900.451	(4.377.968.242)
+ Phải thu đối tượng khác	9.017.372.136	(1.818.288.380)	5.968.610.763	(1.818.288.380)
Tạm ứng	13.593.776.219	-	12.959.113.171	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.080.564.763	-	1.078.096.117	-
Tổng	175.556.219.158	(122.677.595.956)	175.482.315.214	(122.677.595.956)

Trong đó

Phải thu khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

34.383.901.967 - 34.573.946.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Nợ xấu

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	223.672.691.390	23.276.797.947	303.663.054.785	103.267.161.342
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT</i>	34.472.561.394	-	34.472.561.394	-
<i>Công ty XD và LMDN số 3 (COMA3)</i>	41.882.768.212	230.530.224	41.882.768.212	230.530.224
<i>Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)</i>	39.969.235.290	-	39.969.235.290	-
<i>Các đối tượng khác</i>	107.348.126.494	23.046.267.723	187.338.489.889	103.036.631.118

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	368.701.228	-	368.701.228	-
Công cụ, dụng cụ	81.714.734	-	81.714.734	-
Chi phí SX KDDD	13.759.056.639	-	12.708.546.061	-
Hàng hóa bất động sản (*)	10.201.126.333	-	10.201.126.333	-
Tổng	24.410.598.934	-	23.360.088.356	-

(*): Hàng hóa bất động sản là giá trị 2 căn hộ tại tòa nhà Westa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và 1 căn liền kề tại dự án Skylight Minh Khai, Hai căn hộ tại tòa nhà Westa chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTPC

Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,

quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	146.503.867.919	13.020.029.228	7.243.819.974	9.246.729.895	176.014.447.016
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	146.503.867.919	13.020.029.228	7.243.819.974	9.246.729.895	176.014.447.016
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	60.217.689.908	11.070.822.375	6.836.402.062	9.147.002.957	87.271.917.302
Tăng trong kỳ	1.366.450.313	73.550.025	71.189.343	10.050.886	1.521.240.567
Khấu hao trong kỳ	1.366.450.313	73.550.025	71.189.343	10.050.886	1.521.240.567
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	61.584.140.221	11.144.372.400	6.907.591.405	9.157.053.843	88.793.157.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	86.286.178.011	1.949.206.853	407.417.912	99.726.938	88.742.529.714
Tại ngày 30/6/2021	84.919.727.698	1.875.656.828	336.228.569	89.676.052	87.221.289.147

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/6/2021 là 29.633.948.306 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 13.493.902.621 VND).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 28.309.846.817 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 27.572.566.390 VND).

5.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình Tổng Công ty là Phần mềm quản lý đã đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 158.450.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	8.038.104.359	-	8.038.104.359	-
<i>DA - Nhiệt điện Hongsa (LAOS)</i>	3.322.678.848	-	3.322.678.848	-
<i>Dự án nút giao Long Biên-Hà Nội</i>	2.664.735.573	-	2.664.735.573	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án Coma 1</i>	2.050.689.938	-	2.050.689.938	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
+ Công trình dự án 11E6 Phạm Hùng	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
Tổng	8.229.156.890	191.052.531	8.229.156.890	191.052.531

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là các công trình tồn đọng được phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn và Tổng Công ty chưa đánh giá tổn thất tại ngày 30/6/2021.

5.10 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	8.412.728	18.923.827
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.412.728	18.923.827
Dài hạn	1.484.519.453	1.443.770.820
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	130.334.449	124.802.956
Chi phí sửa chữa	580.972.208	393.967.864
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	700.515.281	800.000.000
Chi phí khác	72.697.515	125.000.000
Tổng	1.492.932.181	1.462.694.647

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCPSố 125D Minh Khai, phường Minh Khai,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà NộiMẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)					
	Tỷ lệ							
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			119.549.258.805		(9.575.725.908)	119.549.258.805		(9.575.725.908)
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	51,38%	51,38%	14.475.873.012	-	-	14.475.873.012	-	-
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	53,61%	53,61%	3.633.663.558	-	-	3.633.663.558	-	-
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	51,39%	51,39%	8.492.821.032	-	-	8.492.821.032	-	-
Công ty CP Khóa Minh Khai	67,47%	67,47%	82.146.668.546	-	-	82.146.668.546	-	-
Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	51,54%	51,54%	5.669.250.000	-	(5.669.250.000)	5.669.250.000	-	(5.669.250.000)
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	100,00%	100,00%	202.007.497	-	(202.007.497)	202.007.497	-	(202.007.497)
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	100,00%	100,00%	4.928.975.160	-	(3.704.468.411)	4.928.975.160	-	(3.704.468.411)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			12.880.647.106			12.880.647.106		
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	31,00%	31,00%	1.836.527.663	-	-	1.836.527.663	-	-
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	20,00%	20,00%	11.044.119.443	-	-	11.044.119.443	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)					
	Tỷ lệ							
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			20.902.858.682		(645.842.600)	20.902.858.682		(645.842.600)
Công ty CP COMA Đầu tư kinh doanh Bất động Sản (COMARE)	9,54%	9,54%	562.478.011		(562.478.011)	562.478.011		(562.478.011)
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 10	0,42%	0,42%	500.000.000		-	500.000.000		-
Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	0,42%	0,42%	1.107.569.300		(37.118.300)	1.107.569.300		(37.118.300)
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 5	4,09%	4,09%	748.442.503		-	748.442.503		-
Công ty CP Cơ khí xây dựng Đại Mỗ (COMA 6)	9,70%	9,70%	7.246.146.943		-	7.246.146.943		-
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Phát triển cơ khí	10,00%	10,00%	500.000.000		(46.246.289)	500.000.000		(46.246.289)
Công ty CP Xây lắp và Thương mại COMA 25	12,6%	12,6%	10.238.221.925		-	10.238.221.925		-
Tổng			153.332.764.593	(*)	(10.221.568.508)	153.332.764.593	(*)	(10.221.568.508)

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 30/6/2021 là 1.379.692.400 đồng. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Phải trả người bán

Ngắn hạn
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 26 (Coma 26)
Phải trả cho các đối tượng khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
	83.880.466.772	83.880.466.772	90.320.758.985	90.320.758.985
	10.927.165.148	10.927.165.148	13.631.182.394	13.631.182.394
	4.609.153.907	4.609.153.907	5.977.555.989	5.977.555.989
	4.592.024.369	4.592.024.369	8.610.532.192	8.610.532.192
	13.515.625.227	13.515.625.227	13.249.225.672	13.249.225.672
	50.236.498.121	50.236.498.121	48.852.262.738	48.852.262.738
Tổng	83.880.466.772	83.880.466.772	90.320.758.985	90.320.758.985

Trong đó:

Phải trả cho người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.13 Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn
BQL DA đầu tư xây dựng (HD thi công
tuyến đường lên tượng Gióng)
Nhà hát ca múa nhạc VN - Gối thầu số 3
Công ty cổ phần Tập đoàn Green Diamond Việt Nam
Nghiệp đoàn Gokei- NB
Công ty CP cơ khí xây dựng số 26 (Coma 26)
Các khoản người mua trả tiền trước khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
	15.423.750.293	10.546.690.424
	3.173.809.349	3.173.809.349
	625.000.000	625.000.000
	965.000.001	965.000.001
	1.592.722.897	687.379.330
	3.796.778.938	-
	5.270.439.108	5.095.501.744
Tổng	15.423.750.293	10.546.690.424

27.602.758.373 27.602.758.373 32.116.670.256 32.116.670.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	86.572.261.166	4.010.777.064	3.532.047.371	87.050.990.859
Thuế giá trị gia tăng	17.623.247.748	1.321.410.131	997.961.532	17.946.696.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.947.095	-	-	195.947.095
Thuế thu nhập cá nhân	217.289.912	67.914.069	-	285.203.981
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	25.307.173.135	2.202.425.684	14.406.445	27.495.192.374
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	43.228.603.276	413.027.180	2.513.679.394	41.127.951.062
Phải thu	30.281.346	13.785.204	-	16.496.142
Thuế XNK	10.613.473	-	-	10.613.473
Thuế thu nhập cá nhân	19.667.873	13.785.204	-	5.882.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.15 Chi phí phải trả

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	48.088.707.797	48.877.477.066
Trích trước chi phí dự án tòa nhà Skylight	33.086.509.320	33.086.509.320
Trích trước chi phí các công trình	14.562.198.477	15.350.967.746
Trích trước chi phí khác	440.000.000	440.000.000
Tổng	48.088.707.797	48.877.477.066

5.16 Phải trả khác

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	197.771.214.204	197.783.679.907
Kinh phí công đoàn	901.031.599	825.818.553
Bảo hiểm xã hội	8.268.392.639	7.970.616.849
Bảo hiểm y tế	33.292.450	-
Bảo hiểm thất nghiệp	15.241.522	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Phải trả, phải nộp khác	188.553.255.994	188.887.244.505
<i>Công ty cổ phần Khóa Minh Khai</i>	<i>97.704.013.510</i>	<i>97.704.013.510</i>
<i>(lợi nhuận dự án Skylight) (*)</i>		
<i>Lợi nhuận phải trả thành phố - dự án Skylight (*)</i>	<i>49.466.065.630</i>	<i>49.466.065.630</i>
<i>Phí bảo trì chung cư Skylight</i>	<i>10.201.687.401</i>	<i>11.851.687.401</i>
<i>Huy động vốn mua nhà liền kề</i>	<i>2.677.500.000</i>	<i>2.677.500.000</i>
<i>Huy động vốn mua cổ phần xi măng Đồng Bành</i>	<i>4.505.000.000</i>	<i>4.679.000.000</i>
<i>Huy động vốn Thủy điện Hương Sơn</i>	<i>560.000.000</i>	<i>560.000.000</i>
<i>Tiền lãi phải trả huy động vốn cá nhân</i>	<i>3.203.082.000</i>	<i>2.727.704.000</i>
<i>Tiền lãi phải trả Công ty CP Cơ khí</i>	<i>1.972.192.354</i>	<i>1.620.255.366</i>
<i>Xây dựng số 26</i>		
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>18.263.715.099</i>	<i>17.601.018.598</i>
Tổng	197.771.214.204	197.783.679.907
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>98.165.673.573</i>	<i>98.075.991.692</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

(*) Là khoản phân chia lợi nhuận dự án “khu nhà ở cao cấp Skylight” theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 06/05/2015 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 của Tổng Công ty và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, dự án Skylight vẫn chưa có phê duyệt quyết toán chính thức và chưa thống nhất được với thành phố về đơn giá tiền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	37.949.310.593	37.949.310.593	3.811.141.103	256.000.000	34.394.169.490	34.394.169.490
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.811.141.103	3.811.141.103	3.811.141.103	-	-	-
- CN Hà Đông (1)	14.500.000.000	14.500.000.000	-	-	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 26 (2)	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000
Bộ Xây dựng (3)	14.438.169.490	14.438.169.490	-	256.000.000	14.694.169.490	14.694.169.490
Các khoản vay cá nhân (4)						
Tổng	37.949.310.593	37.949.310.593	3.811.141.103	256.000.000	34.394.169.490	34.394.169.490

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

6.980.000.000

6.980.000.000

(1) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 56/2021/HDDHM-PN/SHB.112000 ngày 02/02/2021 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng tối đa: 12.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh trong nước; Bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng và bảo lãnh bảo hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm kế hoạch. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 02/02/2021 đến 02/02/2022). Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ nhưng tối đa 09 tháng. Lãi suất: quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo là tài sản gắn liền với đất "Nhà điều hành sản xuất, giới thiệu sản phẩm và văn phòng làm việc có quy mô BTCT 14 tầng + áp mái" tạo địa chỉ: 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO888906, số vào sổ cấp GCN:777 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(2) Vay Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 26 với mục đích vay bổ sung vốn lưu động theo các hợp đồng vay vốn không có tài sản đảm bảo:

- Hợp đồng vay vốn số 2403/2020/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 24/3/2020, số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/4/2021
- Hợp đồng vay vốn số 2407/2020/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 24/7/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/4/2021
- Hợp đồng vay vốn số 0910/2020/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 09/10/2020, số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/4/2021
- Hợp đồng vay vốn số 0707/2020/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 07/7/2020, số tiền 10.100.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/4/2021
- Hợp đồng vay vốn số 0505/2020/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 05/5/2021, số tiền 14.500.000.000 đồng, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay đến hết 31/10/2021 và được tự động gia hạn nếu Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 26 chưa có nhu cầu rút vốn.

(3) Vay quỹ Khoa học Công nghệ Bộ Xây dựng phát sinh từ năm 1995 để triển khai các dự án tại thời điểm phát sinh khoản vay.

(4) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay từ 03 đến 06 tháng và được tự động gia hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	238.500.000.000	10.946.368.209	(297.885.307.500)	(48.438.939.291)
Tăng vốn	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	(5.428.367.060)	(5.428.367.060)
Số dư tại 31/12/2020	238.500.000.000	10.946.368.209	(303.313.674.560)	(53.867.306.351)
Số dư tại 01/01/2021	238.500.000.000	10.946.368.209	(303.313.674.560)	(53.867.306.351)
Lỗ trong kỳ	-	-	(1.779.301.649)	(1.779.301.649)
Giảm khác	-	-	(963.381)	(963.381)
Số dư tại 30/6/2021	238.500.000.000	10.946.368.209	(305.093.939.590)	(55.647.571.381)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	235.552.000.000	235.552.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2.948.000.000	2.948.000.000
Tổng	238.500.000.000	238.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.586.441.288	16.370.230.399
Doanh thu Hợp đồng xây dựng, kinh doanh BĐS	20.799.164.359	23.454.733.244
Tổng	36.385.605.647	39.824.963.643

*Doanh thu với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

210.848.637 374.044.672

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.444.223.427	7.385.252.954
Giá vốn hợp đồng xây dựng	20.879.821.475	21.996.874.402
Tổng	27.324.044.902	29.382.127.356

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.896.199	5.701.394
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.410.500	93.276.180
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	132.067.122
Tổng	97.306.699	231.044.696
<i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>90.365.979</i>	<i>93.978.920</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	1.535.982.587	1.600.991.599
Chi phí hoạt động tài chính khác	60.194.766	-
Tổng	1.596.177.353	1.600.991.599
<i>Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>67.199.000</i>	<i>15.752.000</i>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí bán hàng	11.833.682	27.673.863
Chi phí bằng tiền khác	11.833.682	27.673.863
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.058.068.336	8.651.631.754
Chi phí nhân viên quản lý	4.489.470.939	4.768.080.549
Chi phí vật liệu quản lý	88.072.641	2.643.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	159.723.655	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	330.903.198	562.261.701
Thuế phí và lệ phí	72.829.790	268.596.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	465.389.352	1.027.349.607
Chi phí bằng tiền khác	2.451.678.761	2.022.699.329
Tổng	8.069.902.018	8.679.305.617

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	377.905.699
Tiền phạt thu được	12	513.308.208
Tổng	12	891.213.907
Chi phí khác		
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.257.089.670	2.038.680.131
Chi phí khác	15.000.064	28.101.583
Tổng	1.272.089.734	2.066.781.714
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.272.089.722)	(1.175.567.807)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.010.826.350	237.675.688
Chi phí nhân công	6.650.199.688	6.278.226.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.521.240.567	3.510.285.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.935.993.755	21.642.155.522
Chi phí khác bằng tiền	3.557.337.395	8.002.998.844
Tổng	36.675.597.755	39.671.342.368

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	822.509.091	290.777.273
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	628.271.364	705.602.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</u>
Bán hàng			210.848.637	374.044.672
Công ty LD đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên kết	Thuê VP và khác	203.715.455	147.553.763
Công ty CP Khoá Minh Khai	Công ty con	Cho thuê văn phòng, tiền điện nước	7.133.182	6.490.909
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	Công ty con	Mua xe ô tô thanh lý	-	220.000.000
Cho vay			209.955.479	50.702.740
Công ty CP Khoá Minh Khai	Công ty con	Cho vay Lãi tiền cho vay	200.000.000 7.600.000	- -
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	Công ty con	Cho vay Lãi tiền cho vay	- 2.355.479	50.000.000 702.740
Lãi vay			67.199.000	15.752.000
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	Lãi vay	10.798.000	5.487.000
Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	Lãi vay	56.401.000	10.265.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia				
Công ty CP cơ khí và xây lắp Thái Bình (Coma 16)	Công ty con	Tiền cổ tức	80.410.500	93.276.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng		3.452.719.017	3.452.719.017
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con	1.337.364.744	1.337.364.744
Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con	54.704.750	54.704.750
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	Công ty con	972.530.933	972.530.933
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA17)	Công ty con	1.088.118.590	1.088.118.590
Trả trước cho người bán		603.865.511	10.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc - COMA 2		593.865.511	-
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây lắp Sông Chu - COMA 17		10.000.000	10.000.000
Phải thu khác		34.383.901.967	34.573.946.488
Công ty CP Khoá Minh Khai	Công ty con	17.108.906.805	16.901.306.805
Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con	15.921.034.895	16.221.034.895
Công ty Cơ khí Sông Chu (COMA 17)	Công ty con	254.257.000	254.257.000
Công ty TNHH liên doanh đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	209.200.000	309.200.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	Công ty con	890.503.267	888.147.788
Phải trả người bán		27.602.758.373	32.116.670.256
Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Sông Chu - COMA 17	Công ty con	7.410.532.192	8.537.198.271
Công ty CKXD số 2 Hà Bắc - COMA 2	Công ty con	10.991.047.905	13.161.165.148
Công ty CKXD và LMĐN (COMAEL)	Công ty con	4.592.024.369	4.592.024.369
Công ty CK & XL Thái Bình (COMA 16)	Công ty con	4.609.153.907	5.826.282.468
Các khoản phải trả phải nộp khác		98.165.673.573	98.075.991.692
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	10.798.000	22.316.000
Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	148.682.000	162.766.000
Công ty Cổ phần khoá Minh Khai	Công ty con (Lợi nhuận tòa nhà Skylight)	97.704.013.510	97.704.013.510
Công ty Cổ phần khoá Minh Khai	Công ty con (Các khoản khác)	302.180.063	186.896.182
Vay ngắn hạn		6.980.000.000	6.980.000.000
Bộ Xây dựng	Đơn vị Chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	250.000.000	250.000.000
Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	1.530.000.000	1.530.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Tổng
Doanh thu	15.586.441.288	20.799.164.359	36.385.605.647
Giá vốn	6.444.223.427	20.879.821.475	27.324.044.902
Doanh thu	9.142.217.861	(80.657.116)	9.061.560.745
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	9.142.217.861	(80.657.116)	9.061.560.745
Doanh thu hoạt động tài chính			97.306.699
Chi phí tài chính			1.596.177.353
Chi phí bán hàng			11.833.682
Chi phí quản lý			8.058.068.336
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD			(1.272.089.722)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Lợi nhuận trong kỳ			(1.779.301.649)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2020

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Tổng
Doanh thu	16.370.230.399	23.454.733.244	39.824.963.643
Giá vốn	7.385.252.954	21.996.874.402	29.382.127.356
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	8.984.977.445	1.457.858.842	10.442.836.287
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	8.984.977.445	1.457.858.842	10.442.836.287
Doanh thu hoạt động tài chính			231.044.696
Chi phí tài chính			1.600.991.599
Chi phí bán hàng			27.673.863
Chi phí quản lý			8.651.631.754
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD			(1.175.567.807)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Lợi nhuận trong kỳ			(781.984.040)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 như sau:

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận	33.258.712.650	160.680.730.661	193.939.443.311
Tài sản không phân bổ			227.043.498.091
Tổng tài sản			420.982.941.402
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả bộ phận	13.977.900.256	192.514.849.123	206.492.749.379
Nợ phải trả không thể phân bổ			267.261.156.082
Tổng nợ phải trả			473.753.905.461

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 như sau:

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận	366.000.000	28.318.092.196	28.684.092.196
Tài sản không phân bổ			405.691.358.856
Tổng tài sản			434.375.451.052
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả bộ phận	1.630.283.229	276.878.290.253	278.508.573.482
Nợ phải trả không thể phân bổ			202.211.193.579
Tổng nợ phải trả			480.719.767.061

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác - Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi kiểm toán viên khác - Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Người lập biểu

Phụ trách Phòng TCKT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc





Kiều Thị Nguyệt Nga

Lê Thị Linh Chi

Đào Đức Thọ